TẠI LẦU HOÀNG HẠC TIẾN MẠNH HẠO NHIÊN ĐI QUẢNG LĂNG

(Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng — LÍ BẠCH)

Những cuộc tiễn đưa bao giờ cũng để lại trong lòng người đi, kẻ ở những ấn tượng và kỉ niệm khó quên. Trong xã hội xưa, khi điều kiện đi lại và trao đổi thư từ còn rất khó khăn, những cuộc chia tay càng dễ để lại cho đôi bên nhiều nỗi nhớ nhưng, lo âu thấp thỏm. Đó là những lí do giải thích vì sao "thơ tống biệt", nói đầy đủ hơn là "thơ tống biệt hành tặng biệt" (thơ tiễn chân và thơ từ biệt) chiếm một tỉ lệ khá cao trong văn học cổ điển. Lí Bạch là một người giao thiệp rất rộng, tính tình hồn nhiên cởi mở, suốt đời đi lại xê dịch nên tác phẩm viết về đề tài tiễn biệt chiếm tỉ lệ rất cao trong sự nghiệp thơ văn của ông. Trong đa số trường hợp, Lí Bạch xuất hiện với tư cách người đưa tiễn. Có đến bảy mươi lăm bài mà đề thơ mở đầu bằng chữ "tống" (tiễn) như Tống Dương sơn nhân quy Tung Sơn (Tiễn ẩn sĩ họ Dương về Tung Sơn - bài thơ viết khoảng năm 744), Tống Vũ Lâm Đào tướng quân (757),...; trên ba mươi bài có chữ "tống" trong đề bài thơ như Hoàng Hạc lâu tổng Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng (728), Kim Hương tống Vi Bát chi Tây Kinh (Tại huyện Kim Hương - Sơn Đông - tiễn Vi Bát đi Tây Kinh - 745),...; trên mười bài gọi là "tự" [tựa]ư song thực chất là những bài văn trong đó đề bài có chữ "tống" như Giang Hạ mộ xuân tống Trương Thừa Tổ chi Đông Đô tự (Bài tựa viết tại Giang Hạ lúc cuối xuân tiễn Trương Thừa Tổ đi Đông Đô), Xuân ư Cô Thục tống Triệu Tứ lưu viêm phương tự (Bài tựa viết vào mùa xuân ở sông Cô Thục ~ Tuyên Châu - tiễn Triệu Tứ bị lưu đày về xứ nóng ở phương nam),...

Những bài thơ, trong đó Lí Bạch xuất hiện với tư cách người đi từ biệt kẻ ở và ở đề bài có xuất hiện các từ "biệt", 'lưu biệt", "tặng biệt” cũng không ít, có tất cả trên bốn mươi bài.

Như vậy chỉ tính riêng những bài ngay trong đề bài có từ "tống" hay "biệt" đã gồm trên một trăm năm mươi. Nói "tính riêng" vì ngoài ra, còn rất nhiều bài khác tuy ở đề bài không có hai chữ trên song vẫn viết về để tài tiễn biệt, hơn thế, trong đó có những bài còn được xem là những bài "thơ tống biệt" vào loại hay nhất của Lí Bạch như Tặng Uông Luân, Lao Lao đình,...

Trong hơn một trăm năm mươi bài vãn thơ tống hành tặng biệt nói trên, Tụi lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đì Quảng Lăng được xem là tác phẩm hay nhất. Nêu bức tranh toàn cảnh là điều cần để thấy vị trí của bài thơ sẽ phân tích trong thơ tống biệt của Lí Bạch cũng như của toàn bộ thơ ca cổ điển Trung Hoa.

* Thơ tống biệt thường thể hiện chủ đề tình bạn song nhiều khi còn kết hợp thể hiện những tư tưởng, tình cảm khác, thậm chí đôi lúc chỉ còn là duyên cớ, là dịp để tác giả tỏ thái độ về một vấn đề chính trị xã hội nào đó. Bài Tiễn ẩn sĩ họ Dương về Tung Sơn viết năm 744, lúc nhà thơ Lí Bạch đã chán ngấy những công việc vô vị của chức Hàn lâm học sĩ bù nhìn và đã nảy ra ý định rời bỏ cung đình, bởi vậy tiễn bạn "về núi" cũng là cách bày tỏ trước ý định "về núi" của chính mình để cùng bạn "nắm tay nhau nằm khểnh trong mây trắng" (tương huề ngoạ bạch vân). Thế nhưng, khi Đường Huyền Tôn "tứ kim hoàn sơn" (cho Lí Bạch vàng để về núi), vốn là một người tích cực nhập thế mong phò vua giúp nước cứu đời, nhà thơ lại trăn trở băn khoăn, hễ thấy ai, gặp ai về thủ đô Trường An là lòng dạ nhà thơ lại nao nức, xao động :

Khách từ Trường An tới,

Lại trở về Trường An.

Lòng ta gió hãy cuốn,

Treo lên cây Hàm Dương...

(Tại huyện Kim Hương tiễn Vi Bát đi Tây Kinh)

Cho nên, chỉ riêng qua thơ tống biệt của Lí Bạch, chúng ta cũng có thể thấy được khá đầy đủ diện mạo tinh thần của nhà thơ,

Lần tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng, lòng nhà thơ cũng nao nức xao động song rung động theo một kiểu khác và được biểu hiện hoàn toàn khác.

Hai cảu thơ mở đầu thiên về nói tới người ra đi (Mạnh Hạo Nhiên) và tường thuật sự việc (nêu lên đầy đủ các yếu tố của một cuộc đưa tiễn) song trong đó vẫn chứa đựng bao niềm lưu luyến của người đưa tiễn.

Không bao ỉâu sau khi rời khỏi quê hương, Lí Bạch đã kết giao với Mạnh Hạo Nhiên, nhà thơ tiền bối, nhà thơ hơn mình đến hơn chục tuổi và bấy giờ danh tiếng đã lừng lẫy. Lí Bạch luôn nói về người bạn vong niên ấy với tất cả sự tôn kính và ngưỡng mộ :

Ngô ái Mạnh phu tử,

Phong lưu thiên hạ văn...

(Ta yêu Mạnh phu tử đã nổi tiếng phong lưu khắp thiên hạ)

Mối quan hệ đặc biệt thân tình ấy đã thể hiện đầy đủ, sinh động qua chỉ một từ "cố nhân". Lí Bạch là "chủ" tiễn khách song không phải là tiễn khách tại nhà mình, quê minh, thậm chí cũng không phải là nơi nhiệm sở như trường hợp Bạch Cư Dị ở Tì bù hành mà là tiễn khách nơi đất khách, ở một điểm dừng chân trên bước đường ngao du, hơn nữa, lại là tại một thắng tích nổi tiếng gắn với những truyền thuyết từng làm xao động tâm hồn bao thế hệ. Cuộc tiễn chân diễn ra giữa thanh thiên bạch nhật, trong không khí cực kì phồn vinh của xã hội Thịnh Đường. Bạn ra đi giữa một ngày xuân đẹp (tam nguvệt, yên hoa), bạn đi về Dương Châu, thành phố phồn hoa nổi tiếng nhất của cả vùng Giang Nam đương thời mà Lí Bạch trước đó đã từng đặt chân tới. Cho nên, qua lời thơ bề ngoài có vẻ như trung tính, đạm bạc, ta không chỉ thấy phút giây bịn rịn của buổi tiễn đưa mà còn thấy sự nao nức của người đưa tiễn. Dường như vì một lí do đặc biệt nào đó mà Lí Bạch không thể cùng đi với Mạnh Hạo Nhiên về Dương Châu đấy thỏi. Đó chính là cái nền vững chắc tạo điều kiện cho việc xây dựng tứ thơ bay bổng ở hai câu tiếp theo.

Nhận xét về hai câu thơ trên cũng như cách mở đầu thường thấy ở thơ tứ tuyệt Lí Bạch, có nhà nghiên cứu nhận định : "Nhiều bài trường thi, ca hành của Lí Bạch thường hạ bút vang dội, khí thế khác thường, đem đến sức truyền cảm nghệ thuật kinh hồn bạt vía cho người đọc song phần mở đầu thơ tuyệt cú của ông lại thường bình dị tự nhiên, chẳng có gì là đột ngột, gân guốc, tựa như nhìn không thấy sự suy nghĩ quá sâu xa, tinh tường, ở hai câu đầu, nhà thơ thường chỉ tường thuật một cách giản đơn hoàn cảnh hoặc nguyên do sự việc mà thôi. Bài thơ này cũng không

phải là ngoại. Ngôn từ không chỉ bình dị tự nhiên mà lại còn sát hợp. Các dòng sông lớn ở Trung Quốc thường chảy theo hướng tây - đông, lầu Hoàng Hạc lại ở phía trên dòng nên đặt trạng ngữ "tây" trước động từ "từ", dùng động từ "há" trước Dương Châu là rất chuẩn xác. Động từ "từ" (từ giã, từ biệt) được sử dụng khá đắt, mang sắc thái biểu cảm và có tác dụng gợi cảm cao. Tác giả nói mình đưa tiễn "cố nhân" song không nói cố nhân từ giã mình mà lại nói "từ biệt lầu Hoàng Hạc". Như vậy, vừa kết hợp xác định địa điểm đưa tiễn, vừa đem lại cho bản thân hình ảnh lầu Hoàng Hạc một ý nghĩa vừa ẩn dụ vừa hoán dụ, lại vừa gợi cho độc giả liên tưởng tới động tác, tâm tư của cả người đi, kẻ ở : sau khi tiễn bạn ở bến sông, có lẽ Lí Bạch đã vội dời chân lên tít lầu cao để tiếp tục ngóng theo và Mạnh Hạo Nhiên, sau khi lên thuyền, có lẽ cũng đang ngước trổng lên lầu cao tiếp tục vẫy tay từ biệt.

Hai câu đầu đã được người xưa gọi là "lệ cú" (câu đẹp), danh cú, song ai cũng thừa nhận hai câu sau mới là linh hổn của cả bài thơ. Hầu hết hai câu kết ở những bài thơ thuộc đề tài tống biệt của Lí Bạch đều dùng cảnh để biểu hiện tình (dụng cảnh kết tình) song thủ pháp rất đa dạng. So sánh, nhân cách ỉìoủ, đồng nhất tình và cảnh là những thủ pháp hay được sử dụng.

Nhân cách hoá như :

Xuân phong tri biệt kliổ,

Bất khiển liễu điều thanh.

(Gió xuân xót li biệt,

Chẳng khiến liễu xanh cành).

(Lao Lao đình - Tương Như dịch)

Người xưa có tập tục bẻ cành liễu để tặng người đi xa. Đến vật vô tri như gió xuân cũng thấu hiểu nỗi đau xót của tình li biệt.

So sánh như:

Thỉnh quân thí vấn đông lưu thuỷ,

Biệt ý dữ chi thuỳ đoản trường.

(Xin bạn thử hỏi dòng nước chảy về đống xem tình ý biệt li và dòng nước bên nào ngắn bên nào dài).

(Từ hiệt nơi quán rượu Kim Lăng làm thơ dể lại)

Không riêng gì Lí Bạch, các nhà thơ cổ điển lúc viết thơ tống biệt vẫn hay dùng những thủ pháp ấy, thậm chí đôi lúc còn viết những câu thơ hao hao như câu thơ trong bài Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng.

Như Hứa Hồn ở đời Đường :

Li tâm bất dị Tây Giang thuỷ,

Trực tống chinh phàm vụn lí hành.

(Tinh biệt li chẳng khác gì dòng nước sông Tây Giang đưa mãi cánh buồm người ra đi tới nơi vạn dặm).

Như Tống Nhạc ở đời Thanh :

Nhãn tâm tự xuân sắc,

Thiên lí trục quân thuyền.

(Lòng người tựa sắc xuân theo mãi thuyền anh đến nơi ngàn dặm).

Chính Lí Bạch cũng từng viết những câu thơ hao hao như vậy :

Nhãn khan phàm khứ viễn,

Tâm trục giang thuỷ lưu.

(Mắt nhìn cánh buồm xa, Lòng theo dòng nước chảy).

(Giang hạ hành)

Đọc lại tất cả những câu thơ trên kể cả những câu của Lí Bạch, rồi so sánh chúng với hai câu cuối của bài thơ đang phân tích, ta có thể tự lí giải vì sao xưa nay hai câu thơ đó đã được đánh giá cao đến nhường ấy.

Ở tất cả những câu thơ vừa dẫn, đâu ta cũng thấy dấu vết ít nhiều rõ rệt của nỗi lòng con người : "biệt khổ", "biệt ý", "li tâm", "nhân tâm", "tâm trục...", còn ở Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng, tình đã hoà tan vào cảnh. Dù có cường điệu mối tình li biệt đến bao nhiêu chăng nữa, cho dù là dài hơn "nước sông Tây Giang", dài hơn "dòng nước chảy về đông", dù có đi "ngàn dặm", "vạn dặm" thì vẫn là có giới hạn và có thể so sánh được. Mối tình của Lí Bạch ở lầu Hoàng Hạc lúc tiễn Mạnh Hạo Nhiên thì không gì có thể đưa ra so sánh, nó không thể so sánh với sông Trường Giang, không thể so sánh với bầu tròi, hay nói chuẩn xác hơn, cả sông Trường Giang, cả bầu trời đều không thể so sánh với nó mà nó hoà tan man mác vào cả bầu trời mông mênh, vào cả dòng sông bất tận, vào cả vũ trụ bao la vì cuối cùng cả bầu trời và dòng sông cũng đã hoà nhập làm một ! Đáng chú ý là hai câu thơ đã vẽ ra một cảnh tượng mênh mông song đồng thời cũng khắc hoạ được những đường nét tinh tế. Từ bản thân "chiếc buồm cô độc", đến "bóng" của nó, đến bóng "xa"... xa dần của nó cho đến lúc nó mất hút vào bầu trời bát ngát là cả một quá trình, quá trình chuyển dịch ngày càng xa của con thuyền và quá trình ngóng trông theo vời vợi của cặp mắt người đưa tiễn. Thuyền đã mất hút song người tiễn đưa vần còn đứng đó, chơ vơ, đơn côi trên lầu Hoàng Hạc. Chiếc buồm hẳn là màu trắng ; mảng trắng, vệt trắng rồi điểm trắng ấy, dưới bầu trời biếc, trên dòng nước mùa xuân trong xanh hẳn là "mục tiêu" dễ thấy, dễ tãng cường thị lực Lí Bạch, song quan trọng hơn là từ phía Lí Bạch, dù ở thời Thịnh Đường thuyền bè đi lại trên sông Trường Giang tấp nập nhu lá tre, tất cả thị lực của Lí Bạch chỉ đặt vào ở một điểm duy nhất đó mà thôi !

Hai câu cuối, bên ngoài như vẫn tiếp tục nói về người ra đi song thực chất đã chuyển sang nói tâm tình người ở lại. Bên ngoài như là thơ tả cảnh thuần tuý - mà xét về yêu cầu tả cảnh cũng đạt mức xuất sắc - song thực chất là tả tình.

Hùm súc khêu gợi, ỷ tụi ngôn ngoại, lời cạn ỷ sâu, lấy cảnh nói tình, từ nhỏ thấy lởn,... tất cả những đặc trưng thi pháp ấy của thơ Đường nổi chung, của thơ tuyệt cú nói riêng, chúng ta đều có thể tìm thấy sự thể hiện mẫu mực ở Tại lầu Hoùng Hục tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng của Lí Bạch.